Ký bởi Văn phòng Hội đồng Nhân dân
Tỉnh Bắc Kạn
Giờ ký: 2018.07.25 16:57:10 +07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 13 /2018/NQ-HĐND	*Bắc Kạn, ngày 17 tháng 7 năm 2018*

NGHỊ QUYẾT

Quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách và mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, tổ dân phố, tổ nhân dân, tiểu khu trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ về Ban Bảo vệ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ;

Căn cứ Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y;

Căn cứ Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản;

Xét Tờ trình số 68/TTr-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc thông qua nội dung Đề án sắp xếp, bố trí tinh gọn bộ máy những người hoạt động không chuyên trách và quy định mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn *(sau đây gọi tắt là cấp xã)* và ở thôn, tổ dân phố, tổ nhân dân, tiểu khu *(sau đây gọi tắt là thôn)* trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, cụ thể như sau:

1. Cấp xã

a) Chức danh những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã gồm: Chủ tịch Hội Người cao tuổi, Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ, Chủ tịch Hội Khuyến học, Phó Trưởng Công an, Phó Chỉ huy trưởng Quân sự, Phó Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ, Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Phó Chủ tịch Hội Nông dân, Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh, người làm công tác Lâm nghiệp - Kế hoạch - Giao thông, người làm công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, người làm công tác Đài Truyền thanh, nhân viên thú y, Trưởng Ban Bảo vệ dân phố *(đối với phường)*, Phó Trưởng Ban Bảo vệ dân phố *(đối với phường)*.

b) Số lượng: Mỗi xã, phường, thị trấn được bố trí không quá 08 người hoạt động không chuyên trách.

c) Mức phụ cấp: Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được hưởng phụ cấp hàng tháng bằng hệ số phụ cấp nhân với mức lương cơ sở theo quy định hiện hành. Hệ số phụ cấp của các chức danh như sau:

TT	Chức danh	Hệ số phụ cấp/tháng		
		Xã loại 1	Xã loại 2	Xã loại 3
1	Phó Trưởng Công an, Phó Chỉ huy trưởng Quân sự, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ, Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Phó Chủ tịch Hội Nông dân, Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	1,08	1,05	1,04
2	Chủ tịch Hội Người cao tuổi, Chủ tịch Hội Khuyến học, Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ, người làm công tác Đài Truyền thanh, người làm công tác Lâm nghiệp - Kế hoạch - Giao thông, người làm công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	0,98	0,95	0,94
3	Nhân viên thú y	1,0		
4	Trưởng Ban Bảo vệ dân phố *(đối với phường)*	0,55		
5	Phó Trưởng Ban Bảo vệ dân phố *(đối với phường)*	0,48		

2. Thôn

a) Chức danh những người hoạt động không chuyên trách ở thôn gồm: Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn *(hoặc Tổ trưởng, Tiểu khu trưởng)*, Trưởng Ban công tác Mặt trận, Công an viên *(hoặc Uỷ viên Ban Bảo vệ dân phố đối với Tổ dân phố)*, Thôn đội trưởng.

b) Số lượng: Mỗi thôn, tổ dân phố, tổ nhân dân, tiểu khu được bố trí không quá 03 người hoạt động không chuyên trách.

c) Mức phụ cấp: Các chức danh những người hoạt động không chuyên trách ở thôn được hưởng phụ cấp hàng tháng bằng hệ số phụ cấp nhân với mức lương cơ sở theo quy định hiện hành. Hệ số phụ cấp của các chức danh như sau:

TT	Chức danh		Hệ số phụ cấp/tháng
1	Bí thư Chi bộ		0,88
2	Trưởng thôn *(Tổ trưởng, Tiểu khu trưởng)*	Thôn loại 1	0,88
		Thôn loại 2	0,83
		Thôn loại 3	0,78
3	Trưởng Ban công tác Mặt trận		0,18
4	Công an viên *(đối với thôn)*		0,58
	Ủy viên Ban Bảo vệ dân phố *(đối với Tổ dân phố)*		0,4
5	Thôn đội trưởng		0,58

d) Trường hợp đặc thù ngành theo Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản: Mỗi thôn bố trí 01 người thực hiện nhiệm vụ nhân viên y tế thôn kiêm cộng tác viên Dân số - Kế hoạch hoá gia đình.

Mức phụ cấp: Nhân viên y tế thôn kiêm cộng tác viên Dân số - Kế hoạch hoá gia đình được hưởng phụ cấp hàng tháng bằng hệ số phụ cấp nhân với mức lương cơ sở theo quy định hiện hành *(không được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm)* như sau:

Mức 0,5 đối với những thôn thuộc các xã theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020.

Mức 0,3 đối với những thôn thuộc các xã còn lại.

3. Chế độ bảo hiểm, hình thức kiêm nhiệm và phụ cấp kiêm nhiệm

a) Chế độ bảo hiểm: Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế theo các quy định hiện hành.

b) Về kiêm nhiệm: Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thực hiện kiêm nhiệm các chức danh không chuyên trách ở cấp xã và có thể kiêm nhiệm các chức danh không chuyên trách ở thôn. Những người hoạt động không chuyên trách ở thôn thực hiện kiêm nhiệm các chức danh không chuyên trách ở thôn. Mỗi người được đảm nhiệm 01 chức danh chính thức và kiêm nhiệm không quá 03 chức danh.

c) Phụ cấp kiêm nhiệm: Những người hoạt động không chuyên trách kiêm nhiệm chức danh nào thì được hưởng 60% mức phụ cấp của chức danh đó.

Điều 2. Quy định mức khoán kinh phí hoạt động cho các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã và ở thôn

1. Mức khoán 200.000 đồng/tổ chức/tháng cho các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã bao gồm: Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

2. Mức khoán 150.000 đồng/tổ chức/tháng cho các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn bao gồm: Chi hội Cựu chiến binh, Chi hội Nông dân, Chi hội Phụ nữ, Chi đoàn Thanh niên, Ban công tác Mặt trận.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn và tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết số 06/2014/NQ-HĐND tỉnh ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Hội đồng nhân tỉnh quy định chức danh, số lượng và chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và thôn, tổ dân phố, tổ nhân dân, tiểu khu trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Nghị quyết số 11/2014/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi Khoản 5, Điều 4, Nghị quyết số 06/2014/NQ-HĐND tỉnh ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Hội đồng nhân tỉnh quy định chức danh, số lượng và chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và thôn, tổ dân phố, tổ nhân dân, tiểu khu trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn khóa IX, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VPQH, VPCP, VPCTN;
- Ban Công tác đại biểu *(UBTVQH)*;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL *(Bộ Tư pháp)*;
- TT. Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- TT. Huyện *(Thành)* ủy; HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT, HS.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Nguyễn Văn Du